TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 186/2018/QĐST-DS	*L, ngày 14 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 02 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 277/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1957

Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963

Bà Lâm Thị T, sinh năm 1968

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Duy N, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: ấp R, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Trần Thị N, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Ông Phạm Văn C và bà Lâm Thị T tự nguyện trả cho bà Trần Thị N số tiền hụi của dây hụi tháng 500.000 đồng khui ngày 25/02/2015 âm lịch (dây số 2) là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). Bà N thống nhất nhận số tiền này.

Về thời gian trả: Bà Trần Thị N với ông Phạm Văn C và bà Lâm Thị T tự nguyện thỏa thuận thời gian trả tiền do Chi cục thi hành án Dân sự huyện L giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Bà Trần Thị N với ông Phạm Văn C và bà Lâm Thị T tự nguyện thỏa thuận:

Ông C và bà T tự nguyện nộp 112.500 đồng (*Một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Bà N tự nguyện nộp 112.500 đồng (*Một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*) án phí. Do bà N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Bà Nhiên không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Thanh